

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

Số: 29 /2022/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi và mức chi cho công tác xóa mù chữ
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”;

Xét Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi cho công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định nội dung chi và mức chi cho công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi và mức chi cho công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Đối tượng áp dụng

a) Học viên theo học lớp xóa mù chữ.

b) Các cơ sở giáo dục, cán bộ, giáo viên, tình nguyện viên tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ.

c) Cơ quan quản lý giáo dục, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện xóa mù chữ.

3. Nội dung chi và mức chi

a) Chi hỗ trợ học phẩm, tài liệu học tập thực hiện xóa mù chữ và chống tái mù chữ:

a1) Chi hỗ trợ học phẩm cho học viên đang theo học tại các lớp học xóa mù chữ: không quá 150.000 đồng/học viên.

a2) Chi hỗ trợ thấp sáng đối với các lớp học ban đêm: Định mức điện 1 kw/lớp học/buổi học/kỳ học. Số tiền điện thu được của các lớp này, cơ sở giáo dục khấu trừ giảm chi ngân sách Nhà nước trên hóa đơn tiền điện phải trả trong năm.

a3) Chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập của học viên, văn phòng phẩm, sách giáo khoa dùng chung: 200.000 đồng/kỳ học.

b) Chi hỗ trợ cho cán bộ vận động đối tượng trong độ tuổi xóa mù chữ đến lớp: 100.000 đồng/học viên.

c) Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ, bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy:

c1) Mức tiền công theo hợp đồng thỏa thuận: 100.000 đồng/tiết (tính theo số tiết thực dạy).

c2) Đối với tình nguyện viên được huy động tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ được hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại: 100.000 đồng/ngày.

4. Nguồn kinh phí

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp, nguồn huy động của các tổ chức, cá nhân và nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Hiệu lực thi hành

a) Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2022.

b) Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chính sách cho công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND./. *trul*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Trang tin HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.



Bùi Văn Nghiêm